TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30/5/2024
V/v *"Tranh chấp xin ly hôn và con chung".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà **Lê Thị Thanh Thảo**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hà Ứng Cương**

Ông **Nguyễn Duy Khương**

***Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Chí Thăng** - Thư ký TAND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Ông **Nguyễn Thế Nam** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 63/2024/TLST-HNGĐ,ngày 05tháng 3 năm 2024về việc "*Tranh chấp ly hôn và con chung",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐST- HNGĐ ngày 14/5/2024giữa các đương sự:

* Nguyên đơn:Chị **Huỳnh Thị P**, sinh năm 1999.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Anh **Triệu Hoàng S**, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: tổ A, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

(Chị P có mặt, anh S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thị P trình bày như sau:***

Năm 2016, chị và anh Triệu Hoàng S đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã V, huyện C, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận ĐKKH ngày 12/7/2016.

Thời gian đầy vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hoà hợp, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị và anh S đã không còn sống chung.

Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị P yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh Triệu Hoàng S có 02 người con chung tên Triệu Hoài P1, sinh ngày 15/3/2018 và Triệu Yến L, sinh ngày 02/7/2020. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu Triệu Hoài P1, sinh ngày 15/3/2018 và Triệu Yến L, sinh ngày 02/7/2020. Chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra, chị không yêu cầu gì thêm.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Triệu Hoàng S:***

Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh S như Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật nhưng anhSángkhông đến Tòa án nên không có lời khai.

**** Tại phiên tòa*:**

- Chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị P. Cho chị Huỳnh Thị P được ly hôn với anh Triệu Hoàng S. Về con chung: Giao 02 người con chung tên Triệu Hoài P1, sinh ngày 15/3/2018 và Triệu Yến L, sinh ngày 02/7/2020 cho chị P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Triệu Hoàng S là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung:

- *Về hôn nhân:* Chị P và anh S đi đến hôn nhân năm2016, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã V, huyện C, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận ĐKKH ngày 12/7/2016 theo đúng quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Theo chị P trình bày: Trong quá trình chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra cự cãi do bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị P yêu cầu xin ly hôn vs anh S. Xét thấy, yêu cầu của chị là có cơ sở chấp nhận. Vì theo như lời trình bày của chị P thì chị và anh S không ai còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cũng như những nghĩa vụ sống chung với nhau, không có biện pháp nào để hàn gắn cuộc sống gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, chị P vẫn cương quyết xin ly hôn với anh S. Đối với anh S, Tòa án đã tiến hành hòa giải 02 lần nhưng anh S1 tham dự cũng không có ý kiến gì đối với lời trình bày của chị P và tại phiên tòa hôm nay anh S2 không tham dự. Từ đó, có căn cứ cho rằng hôn nhân giữa chị P và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P.

- Về con chung: Chị P và anh S có 02 người con chung tên Triệu Hoài P1, sinh ngày 15/3/2018 và Triệu Yến L, sinh ngày 02/7/2020. Hiện cháu Triệu Hoài P1, sinh ngày 15/3/2018 và Triệu Yến L, sinh ngày 02/7/2020 đang sống cùng với chị P và do chị P chăm sóc nuôi dưỡng. Tại phiên tòa hôm nay, chị P yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 người con chung. Xét thấy, yêu cầu của chị là có cở sở được chấp nhận. Bởi lẽ, Theo chị P trình bày: hiện nay 02 con đang do chị chăm sóc, nuôi dưỡng và tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu P1 trình bày: "*Cháu và em cháu đang sống cùng mẹ và cha mẹ ly hôn thì cháu muốn sống cùng mẹ là chị P*". Do đó, cần giao 02 người con chung tên Triệu Hoài P1, sinh ngày 15/3/2018 và Triệu Yến L, sinh ngày 02/7/2020 cho chị P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

Trong thời gian chị P nuôi dưỡng con chung thì anh S được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị P và anh S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị P xác nhận chị và anh S không có nên không yêu cầu nên HĐXX xem xét giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên, trong thảo luận nghị án hội đồng xét xử thống nhất lời đề nghị của đại diện viện kiểm sát

[3] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị P phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị P.

1/ Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị P được ly hôn với anh Triệu Hoàng S.

2/ Về con chung: Giao 02 người con chung tên Triệu Hoài P1, sinh ngày 15/3/2018 và Triệu Yến L, sinh ngày 02/7/2020 cho chị P chăm sóc nuôi dưỡng.

Anh S được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Huỳnh Thị P2 nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị P đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001338 ngày 20tháng 02 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (chị P đã nộp xong).

5/ Quyền kháng cáo: ChịHuỳnh Thị Phấn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Triệu Hoàng S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND cùng cấp;
- UBND xã;
- CCTHADS;
- Đương sự;
- Lưu.

Lê Thị Thanh Thảo